

Nội dung bài viết

1. [Bài 1 trang 32 SBT Địa Lí 9](#)
2. [Bài 2 trang 32 SBT Địa Lí 9](#)
3. [Bài 3 trang 32 SBT Địa Lí 9](#)
4. [Bài 4 trang 32 SBT Địa Lí 9](#)
5. [Bài 5 trang 33 SBT Địa Lí 9](#)
6. [Bài 6 trang 33 SBT Địa Lí 9](#)

Chúng tôi xin giới thiệu đến học sinh bộ tài liệu giải sách bài tập **Địa Lí 9 Bài 12: Sự phát triển và phân bố công nghiệp (Đầy đủ nhất)** có đáp án và lời giải hay cho các câu hỏi trong sách bài tập môn Địa lớp 9. Hỗ trợ học sinh ôn tập, nắm chắc phương pháp giải các dạng bài tập. Nội dung chi tiết học sinh xem tại đây.

Bài 1 trang 32 SBT Địa Lí 9

Nối ý ở cột A với ý ở cột B sao cho đúng

A (vùng)

B (các trung tâm công nghiệp)

1. Trung du miền núi Bắc Bộ a) Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương.
2. Đồng bằng sông Hồng b) Hạ Long, Việt Trì
3. Đông Nam Bộ c) TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa.

Lời giải:

Nối 1-b; 2-a; 3-c.

Bài 2 trang 32 SBT Địa Lí 9

Nối tên nhà máy thủy điện ở cột A với tỉnh ở cột B sao cho đúng.

A.Nhà máy

B.Thuộc tỉnh

- 1.Thủy điện Hòa Bình a)Bà Rịa – Vũng Tàu
- 2.Thủy điện Sơn La b)Hòa Bình
- 3.Điện khí Phú Mỹ c)Sơn La

4.Nhiệt điện Phả Lại d)Đồng Nai

5.Thủy điện Trị An e)Hải Dương

Lời giải:

Nối 1-b; 2-c; 3-a; 4-e; 5-d.

Bài 3 trang 32 SBT Địa Lí 9

Khoanh tròn chữ cái trước ý đúng

Hai khu vực có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước ta là

A.Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

B.Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

C.Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

D.Trung du miền núi Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

Lời giải:

Chọn đáp án B

Bài 4 trang 32 SBT Địa Lí 9

Dựa vào hình 12.1 SGK. Biểu đồ tỉ trọng của các ngành công nghiệp trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp, năm 2002

a)Hoàn thành bảng sau

TỈ TRỌNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA THEO THỨ TỰ TỪ LỚN ĐẾN NHỎ

STT Ngành STT Ngành

b)Tại sao công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm lại chiếm tỉ trọng cao ở nước ta

Lời giải:

a)

TỈ TRỌNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA THEO THỨ TỰ TỪ LỚN ĐẾN NHỎ

STT Ngành

- 1 Chế biến lương thực, thực phẩm
- 2 Cơ khí, điện tử
- 3 Khai thác nhiên liệu
- 4 Vật liệu xây dựng
- 5 Hóa chất
- 6 Dệt may
- 7 Điện
- 8 Các ngành công nghiệp khác

Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm lại chiếm tỉ trọng cao ở nước ta do:

-Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp này: Nguồn nguyên liệu phong phú từ ngành nông – lâm – ngư nghiệp.

-Yêu cầu của ngành phù hợp với điều kiện nước ta: Vốn ít thu hồi vốn nhanh, cần lao động đông, không yêu cầu cao về trình độ chuyên môn

-Vai trò của ngành:

- + Cung cấp lương thực thực phẩm cho số dân đông ở nước ta.
- + Nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản, thúc đẩy nông nghiệp phát triển.
- + Xuất khẩu, tăng ngoại tệ.

Bài 5 trang 33 SBT Địa Lí 9

Hoàn thành bảng sau

Lời giải:

MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM Ở NƯỚC TA

Tên các ngành	Tình hình phát triển	Các trung tâm
---------------	----------------------	---------------

Công nghiệp khai thác nguyên liệu	- Chiếm 10,3% trong cơ cấu giá trị công nghiệp (năm 2002) - Chủ yếu: than (15-20 triệu tấn/năm), dầu khí : hàng trăm triệu tấn dầu, hàng tỉ mét khối khí 1 năm,...	- Khai thác than ở Quảng Ninh. - Dầu khí: mỏ Bạch Hổ, Đại Hùng, ...
Công nghiệp điện	- Chiếm 6% trong cơ cấu giá trị công nghiệp (năm 2002). - Sản xuất 40 tỉ kWh/năm.	Nhà máy thủy điện Hòa Bình, Sơn La, Trị An... Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ, Phả Lại...
Công nghiệp cơ khí điện tử	- Chiếm 12,3% trong cơ cấu giá trị công nghiệp (năm 2002) - Cơ cấu đa dạng	Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng...
Công nghiệp hóa chất	- Chiếm 9,5 % trong cơ cấu giá trị công nghiệp (năm 2002)	Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Hà Nội, Việt Trì...
Sản xuất vật liệu xây dựng	- Chiếm 9,9 % trong cơ cấu giá trị công nghiệp (năm 2002)	Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ
Công nghiệp chế biến lương thực phẩm	- Chiếm 24,4 % trong cơ cấu giá trị công nghiệp (năm 2002)	Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ...
Công nghiệp dệt may	- Chiếm 7,9 % trong cơ cấu giá trị công nghiệp (năm 2002)	Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nam Định...

Bài 6 trang 33 SBT Địa Lí 9

Dựa vào hình 12.3. Lược đồ các trung tâm công nghiệp tiêu biểu Việt Nam năm 2002, tr.45 SGK hoặc Atlas Địa lý Việt Nam trang công nghiệp chung), hãy hoàn thiện bảng sau:

Lời giải:

Vùng	Trung tâm công nghiệp
Đồng bằng sông Hồng	Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Vĩnh Yên, Nam Định...
Trung du miền núi Bắc Bộ	Hạ Long, Thái Nguyên, Việt Trì
Bắc Trung Bộ	Thanh Hóa, Vinh, Huế.
Duyên hải Nam Trung Bộ	Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang.

Đông Nam Bộ TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, biên hòa, Thủ Dầu Một, Đồng Nai, Tây Ninh.
Đồng bằng sông Cửu Long Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau, Rạch Giá.

▶▶ **CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để download **Giải SBT Địa Lý 9 Bài 12: Sự phát triển và phân bố công nghiệp** chi tiết, có file tải word, file pdf hoàn toàn miễn phí từ chúng tôi.